**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ L**
TỈNH BÌNH THUẬN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số:19/2018/HS-ST**
**Ngày: 22/3/2018.**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:** Bà **Nguyễn Vũ Hà Linh.**

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ô. **Phan Vũ Anh Kiệt** – Ô. **Đỗ Vũ Ngọc Nam**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Võ Chí Công –** Thư ký của Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*:** Ông **Lê Văn Nhật** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Trần Ngọc S** (tên gọi khác: S Nhóc), sinh năm 1991 tại Bình Thuận;

HKTT: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn Bình A, xã B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Ngọc H, sinh năm 1968 và bà: Lương Thị L, sinh năm 1967;

Vợ: Võ Huỳnh T, sinh năm 1995; Có 01 người con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Ngày 30/6/2011, Trần Ngọc S bị đưa vào Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Bình Thuận cai nghiện ma túy bắt buộc theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của Chủ tịch UBND thị xã L, thời hạn chấp hành là 24 tháng, đến ngày 30/6/2013 thì chấp hành xong.

- Ngày 22/4/2014, Trần Ngọc S bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án số 28/2014/HSST. Trần Ngọc S đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/01/2015 (giấy chứng nhận số 2/GCN-CHXHPT), bị cáo đã nộp án phí vào ngày 15/7/2014 (không có hình phạt bổ sung) nên được đương nhiên xóa án tích theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Ngày 26/10/2017, Trần Ngọc S bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 73/2017/HSST.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L theo Quyết định thi hành án phạt tù (đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam) số 109/2017/QĐ-CA ngày 28/11/2017. (Có mặt)

2. **Nguyễn Văn P** (tên gọi khác: Tý, Giang), sinh năm 1992 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 8, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 01/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1967;

Vợ: Chưa có; Con: 01 con sinh năm 2012 (Con chung với Lê Thị Hằng, sinh năm: 1995).

Tiền án: Ngày 01/02/2013, Nguyễn Văn P bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án số 09/2013/HSST, đến ngày 11/10/2016 chấp hành xong án phạt tù tại Giấy chứng nhận số 807/GCN.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17/9/2009, Nguyễn Văn P bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 85/2009/HSST, đến ngày 16/8/2010 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L. (Có mặt)

*** *Bị hại***: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1993; HKTT: Khu phố 2, thị trấn T Minh, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 9, phường T An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có mặt)

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà **Hồ Thị Ngọc L**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn T M, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận; (Có mặt)

2. Anh **Nguyễn Hải Q**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Bình H, tp. P T, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt)

3. Chị **Đào Thị Diễm N** (Bé Hai), sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Đức L, tp. P T, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt)

4. Chị **Lê Thị Thùy T**, sinh năm 1992; HKTT: Vĩnh L, Vĩnh T, Cần T; Nơi cư trú: Khu phố 9, phường T A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt)

5. Anh **Cao Nguyễn Quốc B** (B Đen), sinh năm 1972; HKTT: 92/27 Nguyên H, phường 11, quận BT, Tp. Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Khu phố 6, phường Phú T, tp. P T, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau***:

Ngày 07/6/2018, bị cáo Trần Ngọc S và bị cáo Nguyễn Văn P rủ nhau đi đến tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chơi, đến chiều bị cáo P về thị xã L còn bị cáo S ở lại. Sáng ngày 08/6/2017, bị cáo S điện cho bị cáo P sang chở về, bị cáo P nói "Xe đâu mà chở". Do trước đó để ý thấy tại phòng của chị Đỗ Thị T kế bên phòng trọ của bị cáo S thuê thuộc nhà trọ Hoàng Tử tại khu phố 9, phường TA có để chiếc xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 nên bị cáo S nói với bị cáo P "Qua phòng trọ kế bên có hai chiếc xe, một chiếc xe tay ga màu xanh hiệu Nouvo và chiếc xe City, lấy chiếc xe tay ga chạy xuống đây", bị cáo P nói "Phòng khóa rồi, sao mở", bị cáo S nói "Qua phòng tao lấy con dao cạy khóa là mở được". Nghe bị cáo S nói vậy, bị cáo P vào phòng trọ của S lấy một con dao (loại dao dùng thái đồ nấu ăn dài khoảng 40cm, rộng khoảng 04cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán nhựa) và dùng dao cạy ổ khóa cửa. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi cạy được cửa, bị cáo P vào phòng của chị T lục tìm chìa khóa chiếc xe Nouvo và thấy đang để trong hộc đựng đồ của xe này nên lấy mở khóa và chạy thẳng sang xã Bình Châu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chở bị cáo S về.

*- Theo như lời trình bày của bị cáo S thì sau khi được bị cáo P chở về L thì cả hai cùng bàn chuyện bán xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 trộm được lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 21 giờ ngày 08/6/2017, bị cáo S liên hệ với người mua tên là Tuấn Ái ở PT với giá 6.000.000 đồng nên chở chị T đến bàn với bị cáo P ở Xóm Dương thuộc phường T thì bị cáo P đồng ý và giao xe. Khoảng 08 giờ ngày 09/6/2017, bị cáo S điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 chở chị T ra PT nhưng không gặp được Tuấn Ái nên không bán được xe. Vì vậy, bị cáo S mới liên hệ với chị N (Bé Hai) bán với giá*

*3.000.000 đồng (khi bán bị cáo S có nói cho chị N biết là xe do bạn của bị cáo S trộm) thì chị N đồng ý và mượn xe đi bán vàng để lấy tiền trả cho bị cáo S. Đợi một lúc lâu không thấy chị N quay lại nên bị cáo S liên hệ với anh B (là bạn của chị N) thì anh B nói là chị N chạy xe bị công an bắt. Sau đó, bị cáo S và anh B gặp tại quán nước gần bệnh viện An P thì anh B kêu bị cáo S lo 2.000.000 đồng để ém chuyện bị mất xe; còn muốn có xe thì lo 5.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo S đến gặp và yêu cầu bà L lo 10.000.000 đồng để chuộc xe thì bà L đồng ý nhưng do chưa có tiền nên hứa lại khi khác. Sau đó thì bị cáo S bị công an bắt vì có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

*- Theo như lời trình bày của bị cáo P thì sau khi chở bị cáo S về L thì cả hai cùng bàn chuyện bán xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 trộm được lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 21 giờ ngày 08/6/2017, bị cáo P đang ở Xóm Dương thuộc phường T thì bị cáo S chở chị T đến. Tại đây, bị cáo S nói là có người tên Tuấn Ái ở PT mua xe với giá 6.000.000 đồng thì bị cáo P đồng ý và giao xe cho bị cáo S đi PT bán, còn bị cáo P ở lại L.*

*- Theo như lời trình bày của chị N thì chị không nhớ rõ thời gian cụ thể, chỉ nhớ là khoảng 05 tháng trước chị có gặp bị cáo S ở khu vực gần nhà thờ LĐ, thành phố PT cùng với một người phụ nữ. Bị cáo S nói là đang cần tiền nên nhờ chị đi cầm giùm chiếc xe tay ga màu xanh trắng (chị không nhớ biển số) là xe của bạn gái S, không mang theo giấy tờ khoảng 01 đến 03 triệu đồng, khoảng một vài ngày sau bị cáo S sẽ chuộc lại xe. Nghe vậy thì chị đồng ý và đem đi tìm nơi cầm giúp cho bị cáo S nhưng do không đội mũ B hiểm, chị bị mấy anh thanh niên mặc đồ dân phòng kiểm tra nên chị để xe lại và bỏ đi. Chị không nói cho anh B biết việc chị đi cầm xe và bị công an, dân phòng bắt giữ.*

*- Theo như lời trình bày của chị T thì chị không biết xe môtô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 là tài sản do bị cáo S trộm cắp mà có, vào ngày 08/6/2017 bị cáo S rủ chị đi PT chơi thì chị đồng ý. Khi ra đến PT thì bị cáo S có gặp một người phụ nữ, khi đó chị ngồi ngoài sân nên không nghe họ nói gì nhưng sau đó người phụ nữ điều khiển xe môtô chạy đi. Sau đó, không thấy người phụ nữ quay lại thì bị cáo S gọi điện cho ông B Đen gì đó hỏi về chiếc xe thì nghe nói xe bị công an bắt. Sau đó, chị và bị cáo S đi xe buýt về lại L.*

*- Theo lời trình bày của chị T thì trước ngày 08/6/2017 vài ngày, mẹ ruột của chị là bà Hồ Thị Ngọc L có gửi xe môtô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 lại cho chị trông coi và chị để phòng trọ thuộc nhà trọ Hoàng Tử tại khu phố 9, phường T An. Khoảng 12 giờ ngày 08/6/2017, chị T khóa cửa phòng để đi làm thì đến 18 giờ cùng ngày, chị về thì phát hiện ổ khóa phòng bị bong ra nhưng vẫn được móc lại, chị vào phòng kiểm tra thì phát hiện xe môtô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 bị mất.*

*- Theo lời trình bày của bà L thì vào ngày 06/6/2017, bà có gửi xe môtô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 do bà đứng tên chủ sở hữu cho con gái là chị Đỗ Thị T trông coi. Đến khoảng 18 giờ 50 phút ngày 08/6/2017, bà nhận được điện thoại của chị T báo mất xe.*

*- Theo lời trình bày của anh Q thì anh có nhận cầm của một người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch 01 xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 với giá 5.000.000 đồng. Sau này, anh nghe thông tin đó là xe gian nên mang xe giao nộp cho cơ quan công an.*

Tại Kết luận định giá tài sản số 72A/KL-ĐGTS ngày 07/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L thể hiện: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại nouvo, màu S Xanh – trắng, biển số 86B5-06578, số máy 1DB1-131506, số khung DB10CY131491, tổng giá trị tài sản định giá là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

**Về vật chứng vụ án**: Là 01 xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị Ngọc L theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 08/01/2018.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố kết luận:

Khoảng hơn 08 giờ ngày 08/6/2017, sau khi được bị cáo Trần Ngọc S xúi giục, chỉ chỗ và hướng dẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo P dùng một con dao trong phòng bị cáo S (loại dao dùng thái đồ nấu ăn dài khoảng 40cm, rộng khoảng 04cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán nhựa) để cạy cửa phòng trọ của chị Đỗ Thị T thuộc nhà trọ Hoàng Tử tại khu phố 9, phường T An, lén lút chiếm đoạt chiếc xe môtô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78, trị giá 20.000.000 đồng. Sau khi bị cáo P lấy trộm được xe đã đưa cho bị cáo S đem đi tiêu thụ.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 12/QĐ-VKS ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P, đều phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S, mức án từ: 18 đến 24 tháng tù; Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng của Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã LaGi. Buộc bị cáo Trần Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điểm p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P, mức án từ: 24 đến 30 tháng tù.

- **Ý kiến của bị cáo Trần Ngọc S**: Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn P**: Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

*** Bị cáo Trần Ngọc S nói lời sau cùng**: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*** Bị cáo Nguyễn Văn P nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau***:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đào Thị Diễm N, Nguyễn Hải Q, Lê Thị Thùy T và Cao Nguyễn Quốc B.

Ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, trong trường hợp cần thiết chủ tọa phiên tòa có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Vì vậy,

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy, lời khai của các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng hơn 08 giờ ngày 08/6/2017, sau khi được bị cáo Trần Ngọc S chỉ chỗ và hướng dẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng trọ của chị Đỗ Thị T thuộc nhà trọ Hoàng Tử tại khu phố 9, phường T An, thị xã L, lợi dụng lúc không ai để ý, bị cáo P đã có hành vi cạy khóa cửa và lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại nouvo, màu S Xanh – trắng, biển số 86B5-06578, số máy 1DB1-131506, số khung DB10CY131491. Giá trị của chiếc xe mô tô trên được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định là 20.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm",* như vậy, việc bị cáo P có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô có giá trị là 20.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S là người khởi xướng, xúi giục, hướng dẫn cho bị cáo P địa điểm, cách thức thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cũng chính bị cáo S một mình tìm nơi tiêu thụ tài sản; Còn bị cáo P là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Vì vậy, bị cáo S có vai trò tích cực hơn so với bị cáo P nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt tương xứng với vai trò đồng phạm của mình là phù hợp với Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, như vậy hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Ngọc S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn P có 01 tiền án về tội "Cướp tài sản" chưa được xóa án tích *mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý,* vì vậy lần phạm tội này của bị cáo P thuộc trường hợp "Tái phạm" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng", do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét sử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Diễm N: Chị N là người giúp bị cáo S mang xe đi tiêu thụ. Quá trình điều tra, bị cáo S khai có nói cho chị N biết chiếc xe bị cáo nhờ N tiêu thụ giùm là xe trộm cắp. Tuy nhiên, quá trình điều tra và qua đối chất, chị N không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo S thì không có chứng cứ nào khác chứng minh việc chị N biết chiếc xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 là tài sản do bị cáo S trộm cắp mà có, cho nên không đủ căn cứ để khởi tố chị N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, vì vậy Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy T: Vì không biết chiếc xe mô tô hiệu Nouvo, màu xanh trắng, biển số 86B5-065.78 là tài sản do bị cáo S trộm cắp mà có và không biết mục đích bị cáo S ra PT để tiêu thụ xe mô tô trên nên đã đi theo khi bị cáo S rủ ra PT chơi và quá trình S trao đổi cầm cố xe mô tô trên thì chị T không tham gia và không hay biết gì, cho nên hành vi của chị T không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, vì vậy Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về dân sự: Bị hại Đỗ Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc S và Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Căn cứ vào**: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

**Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc S** (S Nhóc)**, Nguyễn Văn P** (Tý, Giang) **đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".**

**a. Áp dụng**: Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

**Xử phạt**: Bị cáo Trần Ngọc S **02 (Hai) năm tù.** Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 73/2017/HSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L. Buộc bị cáo Trần Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung là **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng** tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **07/8/2017**.

**b. Áp dụng**: Khoản 1 Điều 138; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

**Xử phạt**: Bị cáo Nguyễn Văn P **02 (Hai) năm tù,** thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**10/10/2017**).

**2. Về án phí**: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo**: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**22/3/2018**).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bình Thuận*
- *VKSND tỉnh Bình Thuận*
- *Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận*
- *VKSND thị xã L*
- *THADS thị xã L*
- *Công an thị xã L*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án*
- *UBND địa phương nơi BC cư trú*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vũ Hà Linh**